

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST
Ngày 24-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá T, sinh năm 1996; tên gọi khác: Không có; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị G; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Người làm chứng:***

1. Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Bá T, Nguyễn Hữu H, sinh năm 1994 đều ở thôn D, xã B, huyện L và Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có quan hệ bạn bè. Chiều ngày 17/01/2020, T lên phòng trọ của T ở phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô, huyện L chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T nhắn tin rủ H lên phòng trọ của T chơi, ban đầu H bảo “lạnh, không lên đâu”. Sau đó T nhắn tin cho H bảo “lên anh cho cây quất, cây đào về chơi tết”. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, H đi xe mô tô Honda Vision màu nâu đỏ, BKS 98F1- 242.01 lên phòng trọ của T chơi. Khi T, T và H ngồi trong phòng chơi khoảng 15 phút thì T hỏi mượn xe mô tô của H đi có việc. Lúc này H đang chơi điện tử trên điện thoại nghe T hỏi mượn xe, H đồng ý và nói “chìa khóa xe ở túi áo ngoài xe, ra mà lấy”.

Theo T khai sau khi mượn được xe mô tô BKS 98F1- 242.01 của H, T điều khiển xe mô tô đến ngã tư Thân, thị trấn Đồi Ngô thì T gọi điện cho T bảo T “đi thẳng xuống nhà H, anh nói chuyện với nó hết rồi”. Lúc này, theo T khai T hiểu ý T là đi xe mô tô của H xuống nhà Phạm Văn H, sinh năm 1994 ở thôn M, xã Y, huyện L để nhờ H chỉ chỗ cắm xe lấy tiền. Sau đó T và H đi xe mô tô của H đến nhà anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1990 ở thôn T, xã T, huyện L mục đích để cắm xe, song do xe không có giấy tờ nên anh Tr không đồng ý. T nhờ H đứng tên viết giấy bán xe (bản chất là cầm) và để lại xe mô tô BKS 98F1- 242.01 làm tin để vay anh Tr số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền này, T khai là H giữ lại 500.000 đồng nói là “phần của anh”, còn lại T trả tiền taxi cho T và H đi về, T mua 01 chiếc điện thoại và trả tiền chơi game. Hai ngày sau, T đến gặp T hỏi còn tiền không thì T bảo còn 1.500.000 đồng và đưa cả cho T số tiền này.

Sau khi cho T mượn xe, không thấy T quay lại trả xe nên H và T gọi điện và tìm T để đòi xe nhưng không gặp. Ngày 21/01/2020, T thông báo cho H biết là đã cầm xe. Ngày 22/01/2020, H cùng em trai của T là Nguyễn Bá N, sinh năm 1998 ở D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang xuống nhà anh Tr để chuộc xe mang về. Ngày 03/02/2020, anh H làm đơn trình báo gửi Công an huyện L đề nghị giải quyết đồng thời giao nộp: 01 phôi công chứng giấy đăng ký xe mô tô BKS 98F1- 242.01 mang tên Nguyễn Thị Hà (là vợ H); 01 giấy bán xe mô tô (bản phôi) đề ngày 17/01/2020, người bán là Nguyễn Bá T; 01 giấy bán xe mô tô đề ngày 17/01/2020, người bán là Phạm Văn H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 xe mô tô Honda Vision, màu nâu đỏ, BKS 98F1- 242.01, số máy JF86F9224109, số khung 583KY524168 có giá trị là 30.240.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 24/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Nguyễn Bá T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Sau khi mượn được xe mô tô BKS 98F1- 242.01 của anh H bị cáo đã mang đi cầm cố được 6 triệu đồng như Cáo trạng nêu là hoàn toàn đúng. Bị cáo đã bồi thường cho anh H, anh H đã nhận đủ và không có ý kiến gì. Bị cáo biết là mình sai, bị cáo rất hối hận.

Đại diện VKSND huyện L, thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên. Sau

khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm, i, b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Bá T từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 - 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 6.000.000 đồng, anh H đã nhận đủ và không đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án, các bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo thống nhất và phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng hơn 20 giờ ngày 17/01/2020, tại phòng trọ của anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 ở phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô, huyện L. Nguyễn Bá T đã mượn chiếc xe mô tô Honda Vision, màu nâu đỏ, BKS 98F1- 242.01 của anh Nguyễn Hữu H rồi tự ý mang đi cầm cố được số tiền 6.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô BKS 98F1- 242.01 có trị giá 30.240.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 175 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo

được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm i,b,s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng do bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu H yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tiền anh H phải chuộc xe. Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên, anh H không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[8] Quá trình điều tra, Nguyễn Đình T khai không bàn bạc gì với T về việc mượn xe của H để cầm lấy tiền chia nhau ăn tiêu như T khai. T không hỏi mượn xe của H và cũng không bảo T đến nhà H. Số tiền T cầm xe của H, T không biết và không được sử dụng. Phạm Văn H khai T không nói gì với H về việc đưa T đi cầm xe của H, khi T nhờ tìm chỗ cầm xe thì T nói với H là xe của người yêu nên H giúp đưa T đi cầm xe. Việc H ký vào giấy bán xe là do khi làm thủ tục, anh Tr yêu cầu phải có chứng minh nhân dân, T không mang theo giấy tờ nên H mới làm thủ tục cầm xe cho T. Số tiền cầm xe được, H đã đưa lại toàn bộ cho T. Do có mâu thuẫn nên Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và T, T và H, T và H, T và H song các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với T và H.

[9] Đối với anh Nguyễn Hữu Tr không biết chiếc xe mô tô Honda Vision, màu nâu đỏ, BKS 98F1- 242.01 là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS.

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Bá T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Bá T 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Tr hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 231, Điều 234 của BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS, CA, THA huyện L;
- Bị cáo, các đương sự;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN L Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG
Số: 26/2020/TB-TA

L, ngày 23 tháng 10 năm 2020.

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2020/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Bá T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” có lỗi do đánh máy và soát án cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung: Tại các dòng thứ 22 từ dưới lên T 01 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L”

Tại dòng thứ 15 từ trên xuống của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi “Điều 231, Điều 234 của BLTTHS”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Điều 331, Điều 333 của BLTTHS”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Thủy

